TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **231**/2021/DS-ST
Ngày: 28-12-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Vũ Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà V, số 72 Lê Thánh T, phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị T, năm sinh 1992; Địa chỉ: 136-138 Lê Thị Hồng G, Phường Nguyễn Thái B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 054/2020/EIB-SG/UQ ngày 17/6/2020).

(Bà Thiêm có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Công T1 – sinh năm 1975; Địa chỉ: 21/17 Bùi Thị X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2020 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/2015, ông Nguyễn Công T1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Sài Gòn (sau đây gọi là Ngân hàng) Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng sử dụng tín dụng trên, ngày 10/11/2015 Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa chuẩn cho ông Nguyễn Công T1, số hồ sơ: VC0973. Quá trình sử dụng, ông T1 đã dùng thẻ để thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh tạm tính đến ngày 12/6/2020 với tổng số tiền nợ là 132.021.501 đồng (gồm nợ gốc là 19.938.886 đồng, nợ lãi và phí quá hạn là 112.082.615 đồng). Hàng tháng, Ngân hàng đã gửi bản diễn giải giao dịch trong tháng cho chủ thẻ và nhiều lần gửi công văn thông báo, yêu cầu ông T1 thanh toán nợ cho Ngân hàng, nhưng đến nay ông T1 vẫn không thanh toán. Tạm tính đến ngày 12/06/2020, ông T1 còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là 132.021.501 đồng. Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/11/2015 và dư nợ phát sinh từ các giao dịch của số hồ sơ: VC0973 do ông Nguyễn Công T1 là chủ thẻ, Ngân hàng yêu cầu ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 132.021.501 đồng (gồm nợ gốc là 19.938.886 đồng, nợ lãi và phí quá hạn là 112.082.615 đồng tạm tính đến 12/6/2020). Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 13/6/2020 cho đến khi ông T1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng lần đầu ngày 10/11/2015.

Bị đơn, ông Nguyễn Công T1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: Tại phiên tòa, phía nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả các khoản phí, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Công T1 có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng nợ gốc là 19.938.886 đồng và lãi tạm tính đến ngày 24/12/2021 là 164.904.400 đồng, tổng cộng là 184.843.286 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải trả lãi phát sinh từ ngày 25/12/2021 cho đến khi ông T1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/11/2015.

Bị đơn, ông Nguyễn Công T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên

tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn - ông Nguyễn Công T1. Theo kết quả xác minh tình trạng cư trú thì ông T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại 21/17 Bùi Thị X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn – ông Nguyễn Công T1 mặc dù đã được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Xét giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết.

Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/11/2015; bảng chiết tính lãi vay, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định: Ngày 02/11/2015, ông Nguyễn Công T1 có ký với Ngân hàng Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Ngày 10/11/2015, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa chuẩn cho ông Nguyễn Công T1. Như vậy, thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn Công T1 có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 88,243350 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 19.938.886 đồng.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả phí vượt hạn mức, phí trễ hạn nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu ông T1 có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng nợ gốc là 19.938.886 đồng và lãi tạm tính đến ngày 24/12/2021 là 164.904.400 đồng, tổng cộng là 184.843.286 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải trả lãi phát sinh từ ngày 25/12/2021 cho đến khi ông T1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/11/2015.

Theo Điều 9 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, về thu hồi nợ quy định:

"Kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu, Eximbank được quyền áp dụng các biện pháp thu hồi nợ do Eximbank quyết định bao gồm việc khóa thẻ cho đến khi Chủ thẻ thanh toán đủ số tiền do Eximbank quy định..".

Theo Thông báo Điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng số 1887/2012/EIB/TB-P.QLT ngày 10/9/2012, 637/2016/EIB/TB-TTT ngày 13/4/2016; số 9071/2018/EIB/TB-TTT ngày 04/7/2018; số 294/2019/EIB/TB-TTT ngày 07/01/2019 của Ngân hàng về điều chỉnh phí tài chính (lãi vay) áp dụng đối với các loại thẻ tín dụng quốc tế thì lãi suất kể từ ngày 11/9/2012 là 19,20%, từ ngày 22/4/2016 là 22,80%, từ ngày 10/7/2018 là 24,00%, từ ngày 15/01/2019 là 28,20%. Ngân hàng đã thực hiện biện pháp thu hồi nợ như gửi thư nhắc nợ và gửi sao kê thẻ tín dụng quốc tế hàng tháng tới cho ông T1 nhưng kể từ tháng 10/2017, ông T1 không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản nào, số ngày trễ hạn là 2.243 ngày.

Tính đến ngày 24/12/2021 số tiền ông T1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 19.938.886 đồng và lãi là 164.904.400 đồng, tổng cộng là 184.843.286 đồng. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền như trên là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Ngoài ra ông T1 còn phải trả lãi phát sinh từ ngày 25/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Về thời hạn thanh toán: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Phương thức thanh toán: Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Công T1 vẫn vắng mặt không có lý do, không đưa ra bất cứ một phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông T1 phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Công T1 có trách nhiệm trả số tiền 184.843.286 đồng cho Ngân hàng nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 9.242.164 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A:

Buộc ông Nguyễn Công T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 184.843.286 (Một trăm tám mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi sáu) đồng (gồm nợ gốc là 19.938.886 đồng và lãi là 164.904.400 đồng).

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 25/12/2021, ông T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/11/2015.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Nguyễn Công T1 phải trả phí vượt hạn mức, phí trễ hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

3/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 9.242.164 (Chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm sáu mươi tư) đồng do ông Nguyễn Công T1 phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.538 (Ba triệu ba trăm nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016684 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Công T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mỹ Kiều

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**